

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 40/2018/HSST

Ngày: 16 - 10 - 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Hội thẩm nhân dân: Bà Niê Thanh Mai

Ông Phạm Hữu Dụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Nam Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2018/HSST ngày 10/8/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST-HS ngày 03/10/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Thị H**, sinh năm 1963 tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở trước khi phạm tội: số 68 Y N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: không; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phan Đình T (đã chết) và con bà Nguyễn Thị L; có chồng là Lê Ngọc P (đã ly hôn) và có 04 con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền sự: không

Tiền án: ngày 18/9/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 31-8-2015.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2017 – có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Văn C**, sinh năm 1989 tại tỉnh Đắk Nông; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở trước khi phạm tội: số 68 Y N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nghề nghiệp: sửa chữa điện tử; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Lê Ngọc P và con bà Phạm Thị H (là bị cáo trong vụ án); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Bích X và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; tiền sự: không.

Tiền án: Ngày 18/11/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 22-4-2017.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2017 – có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Lê Xuân Anh P, Văn phòng Luật sư THT – Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt (Có gửi Bản luận cứ được các bị cáo chấp nhận).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1960; nơi cư trú: 50/10 K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1968; nơi cư trú: 50/8 K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

- Triệu Văn N, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn 6, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Mai Thị Ái P, sinh năm 1982; nơi cư trú: 08 C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Lê Nhật M, sinh năm 1963; nơi cư trú: tổ 2, đường Y T, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Hàng Quốc T, sinh năm 1980; nơi cư trú: 160/2 C, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Nguyễn Thị Bích X, sinh năm 1993; nơi cư trú: 68 Y N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Đặng Hoàng Q, sinh năm 1977; nơi cư trú: 120 Y G, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Đoàn Thị O, sinh năm 1993; nơi cư trú: 92/7 X, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Võ Thị H, sinh năm 1993; nơi cư trú: 09 P, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Hoàng Văn S, sinh năm 2000; nơi cư trú: 143/48/13 G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Triệu Văn N - sinh năm 1987, thường trú tại xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk là người được cảm hóa giác ngộ về phòng chống ma túy. Khoảng 09 giờ ngày 16/11/2017, N đến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Qua những người nghiện, N biết số điện thoại của người tên D có bán ma túy. N điện thoại hỏi mua 02 cây Hêrôin thì

được D giới thiệu số điện thoại của Phạm Thị H để N mua. N sử dụng điện thoại của mình số 0964343576 gọi vào số 0914081327 của Phạm Thị H hỏi mua 02 cây Hêrôin thì H nhận lời đồng ý bán. Đồng thời D cũng điện thoại cho H và nói H bán cho khách của D (là N) 02 cây Hêrôin và H đã nhận lời với D. Sau khi H nhận lời bán 02 cây Hêrôin cho N thì N đã chủ động báo hành vi của H với cơ quan Công an. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Phạm Thị H gặp người bạn tên S (không rõ nhân thân lai lịch) tại quán cà phê R, địa chỉ số 28/1 đường YB, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, H nói với S "có người cần 02 cây Hêrôin, S có bán không?". S đồng ý bán với giá 37.000.000 đồng/01 cây Hêrôin và hứa trả tiền công xứng đáng cho H nếu H bán được Hêrôin cho S. Sau đó thì S đi về, H còn ở quán R thì nhận được điện thoại của N và H nói cho N biết giá 37.000.000 đồng/01 cây Hêrôin thì N đồng ý mua. H điện thoại nói N đến quán cà phê R, địa chỉ số 28/1 đường YB, phường TL, thành phố B để giao dịch mua bán nhưng N không đồng ý mà hẹn H đến hoa viên P, thuộc phường TA, thành phố B để giao dịch mua bán Hêrôin. Sau đó Phạm Thị H điều khiển xe mô tô biển số: 47H1 - 01339 (H thuê của bà Trần Thị H) đi tìm gặp S. Khi đến quán cà phê via hè bên đường đường M cách ngã tư đường PT - HT - G - M khoảng 50m thì gặp S. Tại đây, S nói với H "*Một lát nữa đến chân trụ điện đôi gần quán cà phê V trên đường M lấy 02 cây Hêrôin*". Sau đó, Phạm Thị H điều khiển xe mô tô đến hoa viên P, thuộc phường TA, thành phố B gặp N đang ngồi uống nước tại quán nước mía trên vỉa hè đường NT. Khi gặp nhau, N nói "*có Hêrôin chưa dì, con có tiền đây rồi*". H lấy điện thoại ra gọi cho Lê Văn C (con trai của H) chỉ dẫn cho C đến chân trụ điện đôi gần quán cà phê V trên đường M lấy 02 cây Hêrôin mà S đã giấu ở đó mang đến khu vực hoa viên P để H bán cho người khác thì C đồng ý. Khoảng 20 phút sau, Lê Văn C điều khiển xe mô tô biển số: 47B2 - 05577 (C mượn của bà Trần Thị H) chở vợ là Nguyễn Thị Bích X đến đầu đường LĐ thì dừng xe để X đi bộ đến chỗ Phạm Thị H. Còn C điều khiển xe mô tô đi lấy 02 cây Hêrôin trên cho H. Khoảng 20 phút sau, C điều khiển xe mô tô mang 02 cây Hêrôin đến và đi vào trong khu vực hoa viên P, dừng xe cách chỗ H và N ngồi khoảng 20m. Thấy C đến, H nói N đi lại gặp C để thử Hêrôin. Khi N đến chỗ C thì phát hiện ra C là người quen trước đây cùng bị giam chung với N ở Trại tạm giam công an tỉnh Đắk Lắk (năm 2015). Tại đây, C mở gói nilon màu xanh da trời chứa 02 cây Hêrôin ra lấy một ít bỏ vào miếng giấy bạc đưa cho N đi thử, còn C ở lại hoa viên P chờ N. Ngay sau khi lấy được số Hêrôin từ C và biết đó là Hêrôin thì N đã điện báo hành vi của C với cơ quan Công an. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Lê Văn C bị bắt quả tang. Thu giữ của C 01 gói nilon màu xanh da trời bên trong có 01 gói nilon không màu có chứa các cục chất rắn màu trắng được niêm phong theo quy định. Sau đó, Triệu Văn N đến Công an phường TA giao nộp 01 gói giấy bạc bên trong chứa chất rắn màu trắng. Triệu Văn N khai nhận gói giấy bạc trên là ma túy loại Hêrôin N vừa nhận được từ C tại khu vực hoa viên P, thuộc tổ dân phố 4, phường TA, thành phố B để cơ quan Công an xử lý.

Ngoài ra, khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, tại quán nước mía vỉa hè trên đường NT, khu vực hoa viên P thuộc tổ dân phố 4, phường TA, thành phố B, cơ quan Công an còn bắt quả tang Phạm Thị H có hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma

túy”. Thu giữ của Phạm Thị H 04 đoạn ống nhựa màu trắng đều kích thước 02cm được hàn kín hai đầu bên trong đều chứa chất rắn màu trắng và 01 gói nylon màu trắng chứa chất rắn màu trắng được niêm phong theo quy định. Phạm Thị H khai nhận, số chất rắn màu trắng trong 04 đoạn ống nhựa được hàn kín hai đầu và trong gói nylon bị thu giữ trên là Hêrôin. Phạm Thị H mua giá 800.000 đồng của người phụ nữ tên H1 (không rõ nhân thân lai lịch) tại hẻm 120 đường TT, thành phố B trước khi bị bắt khoảng 3 ngày để đưa cho người bạn tên V1 (không rõ nhân thân lai lịch) để V1 sử dụng vì V1 là người nghiện Hêrôin.

Tại biên bản xác minh ngày 29/3/2018 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk xác định: Trên đường M, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có 01 quán cà phê tên "V" địa chỉ của quán cà phê "V" là số 130 M, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Từ quán cà phê "V" hướng về đèn báo hiệu giao thông ngã tư đường PT - HT - G - M khoảng 40 mét có trụ điện đôi đặt ở đầu hẻm số 126 M, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Tại bản Kết luận giám định số: 04/GĐMT- PC54 ngày 21/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn màu trắng đựng trong 04 đoạn ống nhựa và 01 gói nylon thu giữ của Phạm Thị H được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,6316 gam, loại Hêrôin. Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: 0,6102 gam được niêm phong.

- Tại bản Kết luận giám định số: 05/GĐMT- PC54 ngày 24/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn màu trắng chứa trong 01 gói nylon không màu đựng trong 01 gói nylon màu xanh, thu giữ của Lê Văn C được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 59,6592 gam, loại Hêrôin. Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 58,9770 gam được niêm phong.

- Tại bản Kết luận giám định số: 06/GĐMT- PC54 ngày 25/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn màu trắng đựng trong 01 gói giấy bạc do Triệu Văn N tự nguyện giao nộp được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,0527 gam, loại Hêrôin. Mẫu vật đã sử dụng hết trong quá trình giám định, chỉ hoàn lại bao gói sau giám định.

Đối với người phụ nữ tên D, tên H1, tên V1 và người đàn ông tên S theo nội dung Bản kết luận điều tra, Bản cáo trạng thì tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau và đối với Triệu Văn N là người được cảm hóa giác ngộ về phòng chống ma túy, chủ động khai báo về hành vi phạm tội của Phạm Thị H nên cơ quan điều tra không xử lý.

Bản cáo trạng số 48/CT-VKS-P1, ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố: Bị cáo Phạm Thị H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999; truy tố bị cáo Lê Văn C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị H cơ bản khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, cụ thể bị cáo H khai báo như sau: Vào ngày 16/11/2017, bị cáo Phạm Thị H đã liên hệ với người đàn ông tên S (không rõ nhân thân lai lịch) để lấy 02 cây Hêrôin với khối lượng 59,6592 gam và nhờ con trai là Lê Văn C chạy đến nơi tên S cất giấu gói Hêrôin tại “Chân trụ điện đôi gần quán cà phê V trên đường M lấy 02 cây Hêrôin” và mang số Hêrôin trên đến Hoa viên P, phường TA, thành phố B để bị cáo H bán cho Triệu Văn N (là người được cảm hóa giác ngộ về phòng chống ma túy) với giá 37.000.000 đồng/01 cây. Lúc đầu Lê Văn C không chịu đi lấy nhưng do bị cáo H gọi điện thoại và năn nỉ nhiều lần nên C đã đồng ý đi lấy gói Hêrôin và mang đến cho bị cáo H tại Hoa viên P. Sau khi C lấy gói Hêrôin xong, thì C chạy xe máy đến khu vực Hoa viên P và dừng xe cách chỗ H và N đang ngồi khoảng 20m, thấy C đến thì bị cáo H nói với Triệu Văn N đi lại gặp C để thử Hêrôin và sau đó C bị bắt.

Tại phiên tòa bị cáo H còn khai nhận, ngoài hành vi mua bán Hêrôin nêu trên với Triệu Văn N thì bị cáo H còn có hành vi tàng trữ trái phép 0,6316 gam Hêrôin mà bị cáo đã mua với giá 800.000 đồng của người phụ nữ tên H1 để mang về cho tên V1 sử dụng vì V1 là người nghiện Hêrôin.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn C không thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khai rằng bị cáo có chạy xe máy đến địa điểm tại “Chân trụ điện đôi gần quán cà phê V trên đường M” để lấy một gói ly lon màu xanh rồi mang đến Hoa viên P, phường TA, thành phố B đưa cho mẹ là bị cáo H, đến Hoa viên thì bị cáo bỏ gói ly lon màu xanh trên **bàn** chỗ bị cáo H đang ngồi rồi bỏ đi thì bị bắt. Khi đến Hoa viên, bị cáo cũng không gặp người đàn ông nào tên N như bị cáo H khai. Gói ma túy mà cơ quan Công an bắt quả tang thu giữ trong người bị cáo là của người khác nhét vào túi quần của bị cáo khi bị cáo bị Công an không chế. Trước khi đi lấy gói ly lon màu xanh trên đường M thì mẹ bị cáo không nói đó là ma túy. Tại phiên tòa bị cáo C còn trình bày, bị cáo là con ruột của bị cáo H nên không có mâu thuẫn gì, mẹ bị cáo rất thương bị cáo nhưng toàn bộ lời khai của bị cáo H tại cơ quan điều tra (kể cả biên bản đối chất) và tại phiên tòa hôm nay là không đúng. Bản tự khai, lời khai nhận tội của bị cáo vào ngày 17-11-2017 (Bl số 111,114-117) là do bị ép cung, nhục hình.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra chứng cứ buộc tội và đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, đồng thời giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với bị cáo tại Bản cáo trạng số 48/CT-VKS-P1, ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Hội đồng xét xử cụ thể như sau:

- Đối với bị cáo Phạm Thị H:
- + Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phạm Thị H từ 16 đến 17 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

+ Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Thị H từ 01 đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999, buộc bị cáo Phạm Thị H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 17 đến 19 năm tù.

- Đối với bị cáo Lê Văn C:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 17 đến 18 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

- Về tang vật của vụ án: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy 59,5872 gam Hêrôin còn lại sau giám định là vật chứng vụ án; 02 chiếc gang tay màu xám đã qua sử dụng; 01 chiếc cân điện tử màu đen hiệu Amput đã cũ, 02 sim điện thoại số: sim Viettel số: 01653531348 và sim Vinaphone số: 0914081327 thu giữ của Phạm Thị H, 01 sim điện thoại số: 0941844047 thu giữ của Lê Văn C liên quan đến vụ án.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màu đen đã cũ hiệu Microsoft. IMEI: 351861079766937 thu giữ của Phạm Thị H; 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen thu giữ của Lê Văn C là công cụ phương tiện các bị cáo Phạm Thị H và Lê Văn C sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại 01 ví da màu nâu, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 đều mang tên Lê Văn C cho bị cáo Lê Văn C.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 870.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tạm giữ của Lê Văn C và số tiền 350.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tạm giữ của Phạm Thị H để đảm bảo thi hành án.

Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị H cùng xe mô tô biển số: 47B2 - 05577 cho bà Trần Thị H là chủ sở hữu; 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave màu xanh đã cũ biển số: 47H1 - 01339 cho bà Trần Thị Hoa là chủ sở hữu.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo có Bản luận cứ, cho rằng:

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Phạm Thị H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, truy tố bị cáo Lê Văn C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đồng phạm với bị cáo H là chưa thuyết phục. Bởi lẽ, bị cáo C không nhận tội, có một số bản cung bị cáo C khai rằng do bị ép cung, nhục hình và chưa được đối chất với các nhân chứng khi chứng kiến việc thu giữ gói ma túy trong túi quần của bị cáo. Cần tiếp tục điều tra làm rõ lai lịch của người đàn ông tên S và xem xét xử lý trách nhiệm

hình sự đối với Triệu Văn N. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Bị cáo H, bị cáo C đồng ý với Bản luận cứ của Luật sư bào chữa. Bị cáo H xin giảm nhẹ hình phạt, còn bị cáo C thì cho rằng khi đi lấy gói ny lon màu xanh cho bị cáo H tại “Chân trụ điện đôi gần quán cà phê V trên đường M” thì bị cáo không biết đó là ma túy nên đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị H, những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn C cho rằng tại cơ quan điều tra bị cáo bị Điều tra viên ép cung, nhục hình nhưng bị cáo không cung cấp được chứng cứ nên không chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Luật sư bào chữa cho các bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt và có gửi Bản luận cứ bào chữa cho các bị cáo, được các bị cáo chấp nhận. Do vậy, căn cứ Điều 76, Điều 77 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Thị H cơ bản đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản kết luận điều tra, Bản cáo trạng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 16/11/2017, bị cáo Phạm Thị H đã liên hệ với người đàn ông tên S (không rõ nhân thân lai lịch) để lấy 02 cây Hêrôin với khối lượng 59,6592 gam và nhờ con trai là bị cáo Lê Văn C mang số Hêrôin trên đến Hoa viên P, phường TA, thành phố B để bị cáo H bán cho Triệu Văn N (là người được cảm hóa giác ngộ về phòng chống ma túy) với giá 37.000.000 đồng/01 cây. Triệu Văn N sau khi lấy được một ít Hêrôin từ bị cáo Lê Văn C để đi thử thì đã gọi điện cho Cơ quan Công an để tố giác hành vi phạm tội của Lê Văn C và Phạm Thị H. Trong lúc chờ N đi thử Hêrôin thì bị cáo Lê Văn C đã bị bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ngay sau đó bị cáo Phạm Thị H cũng bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ 0,6316 gam Hêrôin.

[4] Tại phiên tòa, mặc dù bị cáo Lê Văn C không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, căn cứ vào Biên bản về việc bắt người phạm tội quả tang, bản tự khai của bị cáo, biên bản ghi lời khai của bị cáo vào ngày 17-11-2017; lời khai của mẹ bị cáo là bị cáo Phạm Thị H tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm

và lời khai của Triệu Văn N cũng như lời khai của các nhân chứng khác thì có đủ căn cứ pháp lý vững chắc để kết luận bị cáo Lê Văn C có thực hiện hành vi cùng với bị cáo Phạm Thị H mua bán trái phép 59,6592 gam Hêrôin như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

[5] Như vậy, bị cáo Phạm Thị H đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999; bị cáo Lê Văn C đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng để truy tố và ý kiến luận tội đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, nên cần chấp nhận.

Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định.

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm;

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm:

b) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ ba mươi gam đến dưới một trăm gam;

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định.

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy, mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine, cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR- 11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

Xét tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng. Bởi lẽ, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây tác hại xấu cho xã hội về nhiều mặt, các bị cáo là người nhận thức được chất ma túy là loại dược liệu đặc biệt do Nhà nước độc quyền quản lý, nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân tàng trữ, mua bán trái phép. Song, do ý thức xem thường pháp luật và vì động cơ vụ lợi nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật của Nhà nước để thực hiện hành vi mua bán, tàng trữ trái phép Hêrôin. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo không những đã xâm hại đến chính sách quản lý chất ma túy của Nhà nước, mà còn là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, ngoài ra còn gây tổn hại đến sức khỏe của con người, đồng thời là nguyên nhân lây truyền các căn bệnh xã hội nguy hiểm như HIV, AIDS, gây ảnh hưởng đến sự phát triển của giống nòi, gây mất trật tự trị an ở địa phương.

Bị cáo Phạm Thị H và Lê Văn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng là “Mua bán chất ma túy có trọng lượng từ ba mươi gam đến dưới một trăm gam” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo Phạm Thị H còn có hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Các bị cáo phạm tội đều thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng theo quy định tại

điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt thích đáng và buộc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Trong vụ án này, tuy bị cáo C không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vì không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng bị cáo C phạm tội là do bị cáo H là người chủ mưu và xúi giục bị cáo. Do đó, mức hình phạt đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thì bị cáo H cao hơn bị cáo C là phù hợp.

Bị cáo H đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên Hội đồng xét xử cần cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 59,5872 gam Hêrôin còn lại sau giám định là vật chứng vụ án; 02 chiếc gang tay màu xám đã qua sử dụng, 01 chiếc cân điện tử màu đen hiệu Amput đã cũ, 02 sim điện thoại số: sim Viettel số: 01653531348 và sim Vinaphone số: 0914081327 thu giữ của bị cáo Phạm Thị H, 01 sim điện thoại số: 0941844047 thu giữ của bị cáo Lê Văn C liên quan đến vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động màu đen đã cũ hiệu Microsoft. IMEI: 351861079766937 thu giữ của bị cáo Phạm Thị H; 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar màu đen thu giữ của bị cáo Lê Văn C là công cụ phương tiện các bị cáo Phạm Thị H và Lê Văn C sử dụng vào việc phạm tội và còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 ví da màu nâu, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 đều mang tên Lê Văn C là tài sản hợp pháp của bị cáo nên trả lại cho bị cáo Lê Văn C.

- Đối với số tiền 870.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tạm giữ của bị cáo Lê Văn C và số tiền 350.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tạm giữ của bị cáo Phạm Thị H cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị H và xe mô tô biển số: 47B2 - 05577 của bà Trần Thị H; 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave màu xanh đã cũ biển số: 47H1 - 01339 của bà Trần Thị Hoa. Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của bà H, bà Hoa nên cần chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho họ. Do đó, không cần đặt ra để xem xét giải quyết nữa.

[5] Về án phí: Các bị cáo Phạm Thị H và Lê Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Bị cáo Lê Văn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

[2] - Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thị H 17** (mười bảy) **năm tù** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thị H 01** (một) **năm tù** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, buộc bị cáo **Phạm Thị H** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **18** (mười tám) **năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/11/2017.

[3] Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn C 16** (mười sáu) **năm tù** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/11/2017.

[4] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 59,5872 gam Hêrôin còn lại sau giám định; 02 chiếc gang tay màu xám đã qua sử dụng; 01 chiếc cân điện tử màu đen hiệu Amput đã cũ; 02 sim điện thoại số: sim Viettel số: 01653531348 và sim Vinaphone số: 0914081327 thu giữ của bị cáo Phạm Thị H; 01 sim điện thoại số: 0941844047 thu giữ của bị cáo Lê Văn C;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màu đen đã cũ hiệu Microsoft. IMEI: 351861079766937 thu giữ của bị cáo Phạm Thị H; 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen thu giữ của bị cáo Lê Văn C;

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn C 01 ví da màu nâu; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 đều mang tên Lê Văn C;

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 870.000 đồng (tám trăm bảy mươi ngàn đồng) của bị cáo Lê Văn C và số tiền 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng) của bị cáo Phạm Thị H đều là tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/8/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk với Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).

[5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Phạm Thị H và Lê Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp;
- Cục T.H.A.DS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan T.H.A hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Đường sự;
-;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Y Phi Kbuôr